

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2023

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Văn Thị Ngọc Hà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1974 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường X, phường Y, thành phố Z, tỉnh M.

Nơi tạm trú: Đường Q, phường K, thành phố Z, tỉnh M.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1975 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường X, phường Y, thành phố Z, tỉnh M.

Nơi tạm trú: Đường Q, phường K, thành phố Z, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Ông Trần Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh V có đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Việc kết hôn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Thời gian đầu vợ chồng ông sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung.

Sau đó, vợ chồng ông liên tục xảy ra mâu thuẫn do bà V vay nợ nhiều lần để chơi cờ bạc, sự việc kéo dài từ năm 2010 đến nay.

Ông đã phải bán nhà cửa để trả nợ cho bà V, hiện nay vợ chồng phải ra ở nhà thuê nhưng bà V vẫn không thay đổi. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ hai người và ảnh hưởng đến tinh thần con cái. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

- Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 19/5/2014. Ông nhường quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con trực tiếp cho bà V, ông sẽ cấp dưỡng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi cháu D trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thanh V có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 31/5/2023.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn D đã ly thân từ ngày 20.2.2023 đến nay. Nay ông D yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, bà yêu cầu vợ chồng ly thân 02 năm đợi cháu D lớn, còn ông D vẫn yêu cầu ly hôn thì tùy ông D. Nay ông D nhường quyền nuôi con cho bà và cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng thì bà đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 19/5/2014. Nay ông D nhường quyền nuôi con cho bà và cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành thì bà đồng ý.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn D. Về con chung: Bà V được quyền nuôi con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 19/5/2014 và ông D cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành thì bà đồng ý. Về tài sản chung, và nợ chung, ông D bà V xác nhận

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, ông D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Văn D yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh V có địa chỉ cư trú tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh V có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh V có đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa ông D và bà V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà V vay nợ nhiều lần để chơi cờ bạc, sự việc kéo dài từ năm 2010 đến nay. Ông đã phải bán nhà cửa để trả nợ cho bà V, hiện nay vợ chồng phải ra ở nhà thuê nhưng bà V vẫn không thay đổi.

Về phía bà V không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ, bà yêu cầu ông V cho thêm thời gian là 02 năm khi con lớn hơn thì ly hôn. Nếu ông D vẫn cương quyết ly hôn thì tùy ông D.

Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân là sự kết hợp thiêng liêng giữa nam và nữ trên cơ sở tình yêu, sự hòa hợp về quan điểm, cách sống và chia sẻ trách nhiệm chung để cùng xây dựng một gia đình, chung sống lâu dài. Do vậy, việc duy trì tình yêu trong hôn nhân là yếu tố then chốt để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Quá trình làm việc, Tòa án xác định theo trình bày của ông D là ông bà đã sống ly thân 01 năm nay. Như vậy, thể hiện giữa ông D và bà V không còn thương yêu, chăm sóc nhau, không cùng chăm lo gia đình.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích chung của cuộc hôn nhân giữa ông D và bà V không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu xin ly hôn của ông D và bà V là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh V có 01 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 19/5/2014. Nay ông D nhường quyền nuôi con cho bà V, cháu D cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy hiện nay cháu D đang ở với bà V, bà V cũng có nguyện vọng nuôi con trong trường hợp phải ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà V tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng/con và bà V cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà V không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Trần Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Dnh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

TUYÊN XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Văn D đối với bà Nguyễn Thị Thanh V. Ông D được ly hôn bà V.

2. Về con chung: Ông D và bà V có 01 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 19/5/2014. Bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D theo nguyện vọng của con cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng (Năm triệu đồng)/tháng/con. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh V không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001094 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông Trần Văn D phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- UBND P2, TP Vũng Tàu
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Hồng Hà